

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Số: 26-149/MB-TCHC

V/v: CBTT Báo cáo tình hình quản trị Công ty  
năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PMB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.35378256      Fax: 024.35378255
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trần Nguyễn - Trưởng phòng TCHC
6. Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☐ Định kỳ
7. Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc (MCK: PMB) công bố thông tin báo cáo tình hình quản trị năm 2025.
8. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo quản trị: [www.pmb.vn](http://www.pmb.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

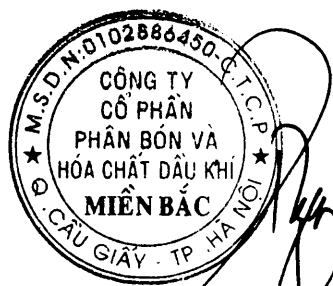
Nơi nhận: *M&C*

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GĐ (để b/c);
- Lưu VT, ĐNHL.

Đính kèm:

- BC tình hình quản trị năm 2025.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRƯỞNG PHÒNG TCHC  
Phạm Trần Nguyễn

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY  
(năm 2025)**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty niêm yết: Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí VN, số 167 Đường Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 024.35378257 Fax: 024.35378255 Email: pmb@pvfcco.com.vn
- Vốn điều lệ: 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).
- Mã chứng khoán: PMB
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.
- Về thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông:**

Ngày 26/03/2025, Công ty đã tổ chức thành công phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tại thành phố Hà Nội.

Đại hội đã thảo luận và thông qua một số nội dung sau:

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 39/NQ-<br>ĐHĐCĐ              | 26/03/2025 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024, các chỉ tiêu chính của kế hoạch kinh doanh năm 2025.</li><li>- Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025.</li><li>- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Phương án phân chia lợi nhuận năm 2024.</li><li>- Thông qua Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm</li></ul> |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|------------------------------|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                              |      | <p>2025.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2024 và dự toán năm 2025.</li> <li>- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024, kế hoạch hoạt động năm 2025 và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025 bao gồm: (1) Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam, (2) Công ty TNHH Kiểm toán Ernst &amp; Young Việt nam, (3) Công ty TNHH Kiểm toán KPMG Việt Nam.</li> <li>- Thông qua chủ trương ký kết các Hợp đồng, giao dịch với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP.</li> <li>- Thông qua việc thôi chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Lương Anh Tuấn kể từ ngày 26/03/2025.</li> <li>- Thông qua việc bầu bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026.</li> <li>- Thông qua quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026.</li> <li>- Thông qua kết quả bầu cử bổ sung 01 Thành viên Hội đồng quản trị: Ông Cao Trung Kiên đã trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026.</li> </ul> |

#### Hội đồng quản trị:

#### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị

| Stt | Thành viên HĐQT    | Chức vụ              | Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT |                 |
|-----|--------------------|----------------------|-----------------------------------|-----------------|
|     |                    |                      | Ngày bổ nhiệm                     | Ngày miễn nhiệm |
| 1   | Ông Cao Trung Kiên | Chủ tịch HĐQT        | 26/03/2025                        |                 |
| 2   | Ông Lương Anh Tuấn | Nguyên Chủ tịch HĐQT | 10/01/2020                        | 26/03/2025      |
| 3   | Ông Bùi Tuấn Anh   | Thành viên HĐQT      | 15/09/2022                        |                 |
| 4   | Ông Tạ Quốc Phương | Thành viên HĐQT      | 22/06/2021                        |                 |

## 2. Các cuộc họp của HĐQT

| Stt | Thành viên HĐQT    | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp                    |
|-----|--------------------|--------------------------|-------------------|--------------------------------------------|
| 1   | Ông Cao Trung Kiên | 3/4                      | 75%               | Tham gia HĐQT kể từ ngày 26/03/2025        |
| 2   | Ông Lương Anh Tuấn | 1/4                      | 25%               | Thôi Thành viên HĐQT kể từ ngày 26/03/2025 |
| 3   | Ông Bùi Tuấn Anh   | 4/4                      | 100%              |                                            |
| 4   | Ông Tạ Quốc Phương | 4/4                      | 100%              |                                            |

## 3. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc

- Hội đồng quản trị trực tiếp chỉ đạo, tham gia ý kiến đối với Ban Giám đốc trong quá trình triển khai các hoạt động của Công ty; đồng thời theo dõi, giám sát tình hình điều hành thông qua các báo cáo, văn bản do Giám đốc gửi Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị thực hiện chức năng chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của chính Hội đồng quản trị; đồng thời định kỳ kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển của Công ty để kịp thời đưa ra các chỉ đạo phù hợp.
- Hội đồng quản trị xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý và báo cáo sơ kết hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2024 của Ban Giám đốc.
- Kết quả giám sát: Ban Giám đốc đã tổ chức, điều hành thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2025, kết quả đạt được như sau:

| Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2025 | Thực hiện năm 2025 | Tỷ lệ |
|----------------------|-------------|-------------------|--------------------|-------|
| Tổng sản lượng       | Tấn         | 220.000,00        | 232.817,345        | 106%  |
| Tổng doanh thu       | Tỷ đồng     | 2.175,434         | 2.659,913          | 122%  |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 14,20             | 25,46              | 179%  |
| Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng     | 11,36             | 20,2               | 178%  |
| Nộp NSNN             | Tỷ đồng     | 3,85              | 7,25               | 188%  |

**4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban chuyên trách. Thay vào đó, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách theo từng lĩnh vực cụ thể để thẩm tra, xem xét các nội dung thuộc thẩm quyền trước khi trình Hội đồng quyết định; đồng thời thực hiện giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Ban Giám đốc triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi lĩnh vực được giao.

**5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:**

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 cuộc họp Hội đồng quản trị và 13 lần lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua một số Nghị quyết/Quyết định như sau:

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                                   | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.  | 01-1/NQ-MB                   | 02/01/2025 | Ban hành Quy chế về chế độ công tác trong nước, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác.                                                                                                                         | 03/03           |
| 2.  | 02/NQ-MB                     | 14/01/2025 | Thông qua chủ trương ký các Hợp đồng, giao dịch đối với hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ triển khai các hoạt động TT-DVKT, ASXH, CSKH và Hỗ trợ bán hàng với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP năm 2025. | 03/03           |
| 3.  | 07/NQ-MB                     | 20/01/2025 | Ban hành định mức nợ phải thu và định mức vốn lưu động cho hàng tồn kho áp dụng cho năm 2025.                                                                                                                              | 03/03           |
| 4.  | 17/NQ-MB                     | 23/01/2025 | Phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2024                                                                                                                                                                                     | 03/03           |
| 5.  | 18/NQ-MB                     | 23/01/2025 | Phê duyệt phương án trả lương hiệu quả năm 2025 đối với Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty                                                                                                                        | 03/03           |
| 6.  | 19/NQ-MB                     | 23/01/2025 | Phê duyệt nguyên tắc phân bổ chi phí cho các mặt hàng phân bón năm 2025                                                                                                                                                    | 03/03           |
| 7.  | 20/NQ-MB                     | 24/01/2025 | Phê duyệt và giao Kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc                                                                                                                   | 03/03           |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                     | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 8.  | 23/NQ-MB                     | 06/02/2025 | Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền năm 2025                                                                        | 03/03           |
| 9.  | 24/NQ-MB                     | 06/02/2025 | Thông qua Kế hoạch tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025                               | 03/03           |
| 10. | 69/NQ-MB                     | 26/03/2025 | Bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc                | 03/03           |
| 11. | 83/NQ-MB                     | 18/04/2025 | Tổ chức và phân công công việc trong Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc | 03/03           |
| 12. | 87/NQ-MB                     | 25/04/2025 | Thành lập Ban Chỉ đạo tinh gọn bộ máy                                                                        | 03/03           |
| 13. | 88/NQ-MB                     | 25/04/2025 | Triển khai mục tiêu kế hoạch quản trị năm 2025                                                               | 03/03           |
| 14. | 89/NQ-MB                     | 25/04/2025 | Ký Hợp đồng lao động với Chủ tịch Hội đồng quản trị                                                          | 03/03           |
| 15. | 108/NQ-MB                    | 24/06/2025 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025                                                         | 03/03           |
| 16. | 114/NQ-MB                    | 07/07/2025 | Phê duyệt danh sách ngân hàng và hạn mức đầu tư tiền gửi năm 2025 tại các ngân hàng                          | 03/03           |
| 17. | 117-1/NQ-MB                  | 07/07/2025 | Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền quý III/2025                                                                    | 03/03           |
| 18. | 118/NQ-MB                    | 07/07/2025 | Thực hiện chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho các cổ đông                                                  | 03/03           |
| 19. | 136/NQ-MB                    | 20/8/2025  | Phê duyệt định mức nợ phải thu đối với hàng phân bón tự doanh năm 2025                                       | 03/03           |
| 20. | 146/NQ-MB                    | 18/09/2025 | Quyết định về việc nâng lương                                                                                | 03/03           |
| 21. | 147/NQ-MB                    | 18/09/2025 | Ban hành Quy chế về chế độ công tác phí, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác                   | 03/03           |
| 22. | 165/NQ-MB                    | 17/10/2025 | Thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi số                                                                          | 03/03           |
| 23. | 169/NQ-MB                    | 11/11/2025 | Phê duyệt Kế hoạch dòng tiền quý IV/2025                                                                     | 03/03           |

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                           | Tỷ lệ thông qua |
|-----|------------------------------|------------|----------------------------------------------------|-----------------|
| 24. | 199/NQ-MB                    | 31/12/2025 | Phê duyệt ban hành Quy chế Nhà phân phối           | 03/03           |
| 25. | 200/NQ-MB                    | 31/12/2025 | Phê duyệt ban hành Quy chế Quản lý hàng tự doanh   | 03/03           |
| 26. | 207/NQ-MB                    | 31/12/2025 | Phê duyệt cập nhật kế hoạch về tiền lương năm 2025 | 03/03           |

## II. Hoạt động của Ban Kiểm soát

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS     | Chức vụ    | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn           |
|-----|--------------------|------------|------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Bà Đào Thị Kim Anh | Trưởng ban | 13/01/2011                               | Cử nhân TCKT                  |
| 2   | Bà Nguyễn Trà My   | Thành viên | 18/10/2017                               | Cử nhân ngành Kế toán         |
| 3   | Bà Đỗ Thị Minh Tâm | Thành viên | 05/04/2016                               | Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán |

### 2. Cuộc họp của Ban Kiểm soát:

| Stt | Thành viên BKS     | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự |
|-----|--------------------|---------------------|-------------------|------------------|---------------------|
| 1   | Bà Đào Thị Kim Anh | 2/2                 | 100%              | 100%             |                     |
| 2   | Bà Nguyễn Trà My   | 2/2                 | 100%              | 100%             |                     |
| 3   | Bà Đỗ Thị Minh Tâm | 2/2                 | 100%              | 100%             |                     |

### 3. Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông.

- Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, họp sơ kết, tổng kết và hội nghị chuyên đề của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành các nội quy, quy định của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn và pháp luật.
- Thẩm định Báo cáo tài chính 06 tháng, năm 2025; thẩm định báo cáo quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025 được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 20/NQ-MB ngày 24/01/2025 và Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2025.
- Giám sát việc trích lập và sử dụng các quỹ.

- Kiểm tra, giám sát công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
  - Thực hiện các công việc khác của BKS theo quy định.
- 4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**
- Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát.
- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các phòng, đơn vị trực thuộc của Công ty để có số liệu, tài liệu, các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết góp phần hoàn thành nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- 5. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát**
- Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và phân công từng thành viên tham gia kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP để thực hiện kiểm tra/giám sát các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### III. Ban Điều hành

| Stt | Thành viên Ban Điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên Ban Điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Ông Bùi Tuấn Anh         | 11/07/1979          | Thạc sĩ Kinh tế     | 15/09/2022                                        |
| 2   | Ông Nguyễn Quang Đoàn    | 26/08/1971          | Thạc sĩ QTKT        | 01/03/2011                                        |

### IV. Kế toán trưởng

| Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|---------------------|---------------------|--------------------------|
| Ông Nguyễn Tiến Hưng | 27/01/1984          | Cử nhân Kế toán     | 01/01/2025               |

### V. Đào tạo về quản trị công ty

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác đã tham gia khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định về quản trị công ty bao gồm:

1. Ông Cao Trung Kiên - Chủ tịch HĐQT
2. Ông Lương Anh Tuấn - Nguyên Chủ tịch HĐQT
3. Ông Bùi Tuấn Anh - Thành viên HĐQT, Giám đốc
4. Ông Tạ Quốc Phương - Thành viên HĐQT độc lập

5. Ông Nguyễn Quang Đoàn - Phó Giám đốc
6. Ông Nguyễn Tiến Hưng - Kế toán trưởng
7. Bà Đào Thị Kim Anh - Trưởng ban Kiểm soát.
8. Bà Nguyễn Trà My - Thành viên Ban Kiểm soát.
9. Bà Đỗ Thị Minh Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát.
10. Ông Phạm Trần Nguyễn - Người Phụ trách Công bố thông tin
11. Bà Đặng Ngọc Hà - Người phụ trách Quản trị Công ty, Thư ký Công ty

**VI. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty:**

1. **Danh sách về người có liên quan của công ty:** Theo Phụ lục 01 đính kèm
2. **Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ**

Trong năm 2025, Công ty có giao dịch với Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (Tổng công ty mẹ đồng thời cũng là cổ đông lớn của Công ty) ở hai lĩnh vực:

- Hợp đồng mua bán phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ;
- Các hợp đồng dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ hậu cần: Vận chuyển, bốc xếp, lưu kho, xúc tiến thương mại...

(Chi tiết cụ thể theo Phụ lục 02 đính kèm)

3. **Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát**

Không phát sinh giao dịch.

4. **Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác**

Không phát sinh giao dịch.

**VII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ**

1. **Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:** Theo Phụ lục 03 đính kèm
2. **Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty:** Không phát sinh giao dịch.

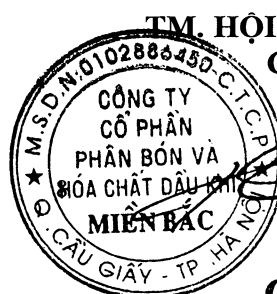
**VIII. Các vấn đề cần lưu ý khác:** Không có.

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc kính báo cáo.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BGĐ, BKS;
- Lưu: VT, ĐNH.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Cao Trung Kiên**

**PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**  
(Đính kèm báo cáo số 26-147/BC-MB ngày 28/01/2026)

| Stt | Tên tổ chức/ cá nhân                            | Tài khoản GDCK | Chức vụ tại Công ty  | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH                                               | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ                   | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty           |
|-----|-------------------------------------------------|----------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|---------------------------------------------|
| 1   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí       |                |                      | 0303165480, cấp tại Sở KHĐT TP. Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ 16 ngày 16/02/2024 | 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh | 01/01/2011                              |                                           |       | Cổ đông lớn nắm giữ 75% Vốn điều lệ Công ty |
| 2   | Tổng công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Nghệ An |                |                      | 2900326255 cấp tại Sở KH & ĐT Nghệ An, thay đổi lần thứ 16 ngày 04/04/2025       | Số 98 Nguyễn Trường Tộ, P. Thành Vinh, tỉnh Nghệ An    |                                         |                                           |       | Cổ đông lớn nắm giữ 10% Vốn điều lệ Công ty |
| 3   | Cao Trung Kiên                                  |                | Chủ tịch HĐQT        |                                                                                  |                                                        | 26/03/2025                              |                                           |       |                                             |
| 4   | Lương Anh Tuấn                                  |                | Nguyên Chủ tịch HĐQT |                                                                                  |                                                        | 01/10/2020                              | 26/03/2025                                |       |                                             |
| 5   | Bùi Tuấn Anh                                    |                | TV.HĐQT, Giám đốc    |                                                                                  |                                                        | 15/09/2022                              |                                           |       |                                             |
| 6   | Tạ Quốc Phương                                  |                | TV HĐQT độc lập      |                                                                                  |                                                        | 22/06/2021                              |                                           |       |                                             |
| 7   | Nguyễn Quang Đoàn                               |                | P.GD                 |                                                                                  |                                                        | 01/03/2011                              |                                           |       |                                             |
| 8   | Nguyễn Tiến Hưng                                |                | Kế toán trưởng       |                                                                                  |                                                        | 01/01/2025                              |                                           |       |                                             |
| 9   | Đào Thị Kim Anh                                 |                | Trưởng Ban Kiểm soát |                                                                                  |                                                        | 13/01/2011                              |                                           |       |                                             |



| Stt | Tên tổ chức/ cá nhân | Tài khoản GDCK | Chức vụ tại Công ty | Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH | Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|-----|----------------------|----------------|---------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 10  | Nguyễn Trà My        |                | TV.BKS              |                                    |                                      | 18/10/2017                              |                                           |       |                                   |
| 11  | Đỗ Thị Minh Tâm      |                | TV.BKS              |                                    |                                      | 05/04/2016                              |                                           |       |                                   |



**PHỤ LỤC 2: DANH SÁCH GIAO DỊCH, HỢP ĐỒNG GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN NĂM 2025**  
(Đính kèm báo cáo số 26-147/BC-MB ngày 28/01/2026)

| STT | Tên đơn vị                                | Mối quan hệ với Công ty | Nội dung chính giao dịch, hợp đồng | Số hợp đồng                                  |
|-----|-------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng dịch vụ BX, GN            | 43/2025/PVFCCo/PB-PVFCCo North/D_BX-GN-VC-LK |
| 2   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng khuyến mại                | 197-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_KM           |
| 3   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng khuyến mại                | 219-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_KM           |
| 4   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng khuyến mại                | 694-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D-KM           |
| 5   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng quảng cáo                 | 204-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_QC           |
| 6   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng quảng cáo                 | 789A/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_QC             |
| 7   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 179-25/PVFCCo/KD-MB/B_Kali                   |
| 8   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 128-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI                   |
| 9   | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 140-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI                   |
| 10  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 241-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |
| 11  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 312-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |
| 12  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 368-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |
| 13  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn             | Hợp đồng mua bán                   | 409-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |

| STT | Tên đơn vị                                | Mối quan hệ<br>với Công ty | Nội dung chính giao dịch,<br>hợp đồng | Số hợp đồng               |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------|
| 14  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 52-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI |
| 15  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 114-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 16  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 137-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 17  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 164-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 18  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 184-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 19  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 25-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM  |
| 20  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 266-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 21  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 273-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 22  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 313-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 23  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 337-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 24  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 34-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM  |
| 25  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 353-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 26  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 364-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 27  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 386-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |
| 28  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 394-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM |

| STT | Tên đơn vị                                | Mối quan hệ<br>với Công ty | Nội dung chính giao dịch,<br>hợp đồng | Số hợp đồng                     |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
| 29  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 438-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 30  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 441-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 31  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 450-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 32  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 53-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM        |
| 33  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 54-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM        |
| 34  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 97-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM        |
| 35  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 131-25/PVFCCo/KD-MB/B- ĐẠM KeBo |
| 36  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 33-25/PVFCCo/KD-MB/B- ĐẠM KeBo  |
| 37  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 410-25/PVFCCo/KD-MB/B- ĐẠM KeBo |
| 38  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 115-25/PVFCCo/KD-MB/B-NPK       |
| 39  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 124-25/PVFCCo/KD-MB/B-NPK       |
| 40  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 26-25/PVFCCo/KD-MB/B-NPK        |
| 41  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 308-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |
| 42  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 338-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |
| 43  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 358-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |

| STT | Tên đơn vị                                | Mối quan hệ<br>với Công ty | Nội dung chính giao dịch,<br>hợp đồng | Số hợp đồng                     |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
| 44  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 398-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |
| 45  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 489-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |
| 46  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 490-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |
| 47  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 491-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK     |
| 48  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 540-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 49  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 550-25/PVFCCo/KD-MB/B- ĐẠM KeBo |
| 50  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 557-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 51  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 559-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali    |
| 52  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 585-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 53  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 586-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 54  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 630-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 55  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 683-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 56  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 702-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 57  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 734-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM       |
| 58  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 746-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Huuco   |

| STT | Tên đơn vị                                | Mối quan hệ<br>với Công ty | Nội dung chính giao dịch,<br>hợp đồng | Số hợp đồng                 |
|-----|-------------------------------------------|----------------------------|---------------------------------------|-----------------------------|
| 59  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 750-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM |
| 60  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 756-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM |
| 61  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 800-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM |
| 62  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 813-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM |
| 63  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 821-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM |
| 64  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 859-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM   |
| 65  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 866-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM   |
| 66  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 878-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM   |
| 67  | Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Cổ đông lớn                | Hợp đồng mua bán                      | 879-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI  |



**PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

*(Đính kèm báo cáo số 26-147/BC-MB ngày 28/01/2026)*

| Stt       | Họ và tên             | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty    | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú  |
|-----------|-----------------------|-------------------|------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|----------|
| <b>1.</b> | <b>Cao Trung Kiên</b> |                   | <b>Chủ tịch HĐQT</b>         |                                        |                 | <b>20.000</b>           | <b>0,17%</b>               |          |
| 1.1       | Trần Thu Phương       |                   |                              |                                        |                 | 0                       | 0                          | Vợ       |
| 1.2       | Trần Phúc Huy         |                   |                              |                                        |                 | 0                       | 0                          | Con trai |
| 1.3       | Cao Quang Nam         |                   |                              |                                        |                 | 0                       | 0                          | Con trai |
| 1.4       | Cao Phương Linh       |                   |                              |                                        |                 | 0                       | 0                          | Con gái  |
| 1.5       | Cao Văn Cường         |                   |                              |                                        |                 | 0                       | 0                          | Bố đẻ    |
| 1.6       | Bùi Thị Yên           |                   |                              |                                        |                 | 0                       | 0                          | Mẹ đẻ    |
| 1.7       | Cao Trùy Trang        |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Em gái   |
| 1.8       | Nguyễn Kim Sinh       |                   |                              |                                        |                 | 1.000                   | 0,0083                     | Em rể    |
| 1.9       | Trần Đồng             |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Bố vợ    |
| 1.10      | Nguyễn Thị Bích       |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Mẹ vợ    |
| 1.11      | Trần Thị Bích Ngọc    |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Chị vợ   |
| 1.12      | Trần Thị Quỳnh Hoa    |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Em vợ    |
| <b>2.</b> | <b>Bùi Tuấn Anh</b>   |                   | <b>TV HĐQT,<br/>Giám đốc</b> |                                        |                 |                         |                            |          |
| 2.1       | Nguyễn Thị Thu Huyền  |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Vợ       |
| 2.2       | Bùi Diệp Anh          |                   |                              |                                        |                 |                         |                            | Con      |

| Stt  | Họ và tên                 | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty  | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú |
|------|---------------------------|-------------------|----------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|---------|
| 2.3  | Bùi Quang Đạt             |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 2.4  | Bùi Minh Tuấn             |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Bố      |
| 2.5  | Nguyễn Thị<br>Hiền        |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Mẹ      |
| 2.6  | Bùi Anh Tú                |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Em trai |
| 2.7  | Nguyễn Thị Vân<br>Anh     |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Em dâu  |
| 2.8  | Nguyễn Gia Lộc            |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Bố vợ   |
| 2.9  | Trần Thị Lan              |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Mẹ vợ   |
| 2.10 | Nguyễn Thu<br>Hiền        |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Em vợ   |
| 2.11 | Nguyễn Đức<br>Hưng        |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Anh vợ  |
| 3.   | <b>Tạ Quốc<br/>Phương</b> |                   | <b>TV HĐQT<br/>độc lập</b> |                                        |                 |                         |                            |         |
| 3.1  | Tạ Quốc Cường             |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Bố      |
| 3.2  | Trương Thị Mùi            |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Mẹ      |
| 3.3  | Nguyễn Thu<br>Hằng        |                   |                            |                                        |                 | 2500                    | 0,02%                      | Vợ      |
| 3.4  | Tạ Linh Đan               |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 3.5  | Tạ Cao Minh               |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 3.6  | Tạ Thị Quyên              |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Em      |
| 3.7  | Tạ Thị Dung               |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Em      |
| 3.8  | Tạ Tấn Tài                |                   |                            |                                        |                 |                         |                            | Em      |

| Stt  | Họ và tên                    | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú |
|------|------------------------------|-------------------|---------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|---------|
| 3.9  | Nguyễn Văn<br>Tước           |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Bố vợ   |
| 3.10 | Vũ Thị Thảo                  |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Mẹ vợ   |
| 3.11 | Nguyễn Đức<br>Hùng           |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Em vợ   |
| 4.   | <b>Nguyễn Quang<br/>Đoàn</b> |                   | <b>Phó GD</b>             |                                        |                 | <b>3.800</b>            | <b>0.032%</b>              |         |
| 4.1  | Nguyễn Thị<br>Thân           |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Mẹ      |
| 4.2  | Nguyễn Thị<br>Thơm           |                   |                           |                                        |                 | 1.000                   | 0,008%                     | Vợ      |
| 4.3  | Nguyễn Quang<br>Đức          |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 4.4  | Nguyễn Phương<br>Thảo        |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 4.5  | Nguyễn Thị<br>Thanh Vân      |                   |                           |                                        |                 | 1.000                   | 0,008%                     | Chị     |
| 4.6  | Nguyễn Thị<br>Thanh An       |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Chị     |
| 5.   | <b>Nguyễn Tiến<br/>Hưng</b>  |                   | <b>Kế toán<br/>trưởng</b> |                                        |                 |                         |                            |         |
| 5.1  | Nguyễn Thị<br>Ngọc Hải       |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Vợ      |
| 5.2  | Nguyễn Sơn<br>Tùng           |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 5.3  | Nguyễn Nhật<br>Minh          |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 5.4  | Nguyễn Văn<br>Thục           |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Bố dè   |
| 5.5  | Nguyễn Tiến<br>Quyết         |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Em trai |
| 5.6  | Nguyễn Thị                   |                   |                           |                                        |                 |                         |                            | Em dâu  |

| Stt  | Họ và tên                  | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty           | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú         |
|------|----------------------------|-------------------|-------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|-----------------|
|      | Thảo                       |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            |                 |
| 5.7  | Nguyễn Ngọc<br>Hùng        |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Bố vợ           |
| 5.8  | Nguyễn Thị<br>Minh Hằng    |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Mẹ vợ           |
| 5.9  | Nguyễn Thị<br>Ngọc Hà      |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Chị vợ          |
| 6.   | <b>Đào Thị Kim<br/>Anh</b> |                   | <b>Trưởng<br/>ban kiểm<br/>soát</b> |                                        |                 |                         |                            |                 |
| 6.1  | Võ Anh Tuấn                |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Chồng           |
| 6.2  | Võ Tuấn Kiệt               |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Con             |
| 6.3  | Võ Anh Khoa                |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Con             |
| 6.4  | Đào Sỹ Nguyên              |                   |                                     |                                        |                 | 11.000                  | 0,092%                     | Anh (đã<br>mất) |
| 6.5  | Đào Chu Dương              |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Anh             |
| 6.6  | Đào Chu Thiên              |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Anh             |
| 6.7  | Đào Đình Nam               |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Anh             |
| 6.8  | Đào Thị Thu<br>Phương      |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Em              |
| 7.   | <b>Nguyễn Trà My</b>       |                   | <b>Thành viên<br/>BKS</b>           |                                        |                 |                         |                            |                 |
| 7.1. | Nguyễn Trịnh<br>Kiềm       |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Bố              |
| 7.2. | Trần Kim<br>Phượng         |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Mẹ              |
| 7.3. | Nguyễn Tuấn                |                   |                                     |                                        |                 |                         |                            | Em trai         |

| Stt       | Họ và tên               | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty      | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú   |
|-----------|-------------------------|-------------------|--------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|-----------|
|           | Anh                     |                   |                                |                                        |                 |                         |                            |           |
| <b>8.</b> | <b>Đỗ Thị Minh Tâm</b>  |                   | <b>Thành viên BKS</b>          |                                        |                 |                         |                            |           |
| 8.1       | Đỗ Văn Tuấn             |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Bố        |
| 8.2       | Nguyễn Thị Thảo         |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Mẹ        |
| 8.3       | Trần Hoài Nam           |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Chồng     |
| 8.4       | Trần Minh Hữu           |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Con       |
| 8.5       | Trần Minh Quân          |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Con       |
| 8.6       | Đỗ Ngọc Thành           |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Anh       |
| 8.7       | Phạm Thị Anh            |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Chị dâu   |
| 8.8       | Đỗ Văn Toàn             |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Anh       |
| 8.9       | Trần Quang Lưu          |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Bố chồng  |
| 8.10      | Trần Thị Dự             |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Mẹ chồng  |
| 8.11      | Trần Quang Khánh        |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Anh chồng |
| <b>9.</b> | <b>Phạm Trần Nguyễn</b> |                   | <b>Người công bố thông tin</b> |                                        |                 | <b>6.050</b>            | <b>0,05%</b>               |           |
| 9.1.      | Trần Thị Ái Hoan        |                   |                                |                                        |                 | 1.000                   | 0,008%                     | Mẹ        |
| 9.2.      | Phạm Minh Thư           |                   |                                |                                        |                 | 1.000                   | 0,008%                     | Vợ        |
| 9.3.      | Phạm Bá Nghĩa           |                   |                                |                                        |                 |                         |                            | Con       |

| Stt  | Họ và tên             | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty                                                  | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp | Địa chỉ liên hệ | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú |
|------|-----------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------|-------------------------|----------------------------|---------|
| 9.4. | Phạm Minh<br>Đăng     |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 9.5. | Phạm Thị Thu<br>Huyền |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Chị     |
| 9.6. | Phí Hồng Quân         |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Anh rể  |
| 9.7. | Phạm Thái Hà          |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Chị     |
| 9.8. | Matthias<br>Chrítian  |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Anh rể  |
| 9.9. | Phạm Thái Bình        |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Bố vợ   |
| 9.10 | Phạm Hạnh<br>Thúy     |                   |                                                                            |                                        |                 | 1.000                   | 0,008%                     | Chị vợ  |
| 9.11 | Phạm Phương<br>Thu    |                   |                                                                            |                                        |                 | 1.000                   | 0,008%                     | Chị vợ  |
| 10.  | <b>Đặng Ngọc Hà</b>   |                   | <b>Thư ký<br/>Công<br/>ty/Người<br/>phụ trách<br/>quản trị<br/>Công ty</b> |                                        |                 |                         |                            |         |
| 10.1 | Đặng Ngọc Tiến        |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Bố      |
| 10.2 | Nguyễn Thị<br>Tuyết   |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Mẹ      |
| 10.3 | Đặng Tuyết Mai        |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Chị     |
| 10.4 | Hoàng Văn Toàn        |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Chồng   |
| 10.5 | Hoàng Nam Anh         |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Con     |
| 10.6 | Hoàng Bảo Anh         |                   |                                                                            |                                        |                 |                         |                            | Con     |

| Stt   | Họ và tên                                       | Tài khoản<br>GDCK | Chức vụ<br>tại<br>Công ty | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp,<br>nơi cấp                                  | Địa chỉ liên hệ                                              | Số CP sở hữu<br>cuối kỳ | Tỷ lệ sở hữu<br>CP cuối kỳ | Ghi chú      |
|-------|-------------------------------------------------|-------------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------|--------------|
| 10.7  | Hoàng Gia Anh                                   |                   |                           |                                                                         |                                                              |                         |                            | Con          |
| 10.8  | Hoàng Văn Đàm                                   |                   |                           |                                                                         |                                                              |                         |                            | Bố chồng     |
| 10.9  | Phạm Thị Minh                                   |                   |                           |                                                                         |                                                              |                         |                            | Mẹ chồng     |
| 10.10 | Hoàng Văn Tân                                   |                   |                           |                                                                         |                                                              |                         |                            | Anh<br>chồng |
| 10.11 | Hoàng Văn<br>Tường                              |                   |                           |                                                                         |                                                              |                         |                            | Anh<br>chồng |
| 10.12 | Hoàng Thị Hồng<br>Gấm                           |                   |                           |                                                                         |                                                              |                         |                            | Em chồng     |
| 11.   | <b>TCT Phân bón<br/>và Hóa chất Dầu<br/>khí</b> |                   |                           | 303165480 thay đổi lần thứ 16,<br>ngày 16/2/2024 tại Sở KH&ĐT TP<br>HCM | <b>Số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường<br/>Sài Gòn, thành phố HCM</b> | <b>9.000.000</b>        | <b>75%</b>                 |              |

**PETROVIETNAM FERTILIZER AND  
CHEMICALS CORPORATION  
NORTHERN PETROVIETNAM FERTILIZER  
AND CHEMICALS JSC**

No: 26-149/MB-TCHC  
Re: Disclosure of the 2025  
Corporate Governance Report

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

*Ha Noi, 28<sup>th</sup> January 2026*

To:

- **The State Securities Commission;**
- **The Ha Noi Stock Exchange.**

1. Name of company: Northern Petrovietnam Fertilizer and Chemicals JSC
2. Stock symbol: PMB
3. Head Office Address: 4th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City.
4. Tel: 024.35378256                      Fax: 024.35378255
5. Person in charge of information disclosure: Mr Pham Tran Nguyen - Head of Administration and Human Resources Department
6. Type of Information Disclosure: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Requirement ☐ Unusual ☐ Periodic
7. Content of Information Disclosure: Northern Petrovietnam Fertilizer and Chemicals JSC (Stock Symbol: PMB) discloses the Corporate Governance Report for 2025.
8. Website address for publishing the Report on Corporate Governance: [www.pmb.vn](http://www.pmb.vn)

We hereby commit that the disclosed information is true and accurate, and we take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

**Receiving place:** *Mat*

- As above;
- BOD, BOS, Director (to report);
- Save VT, DNH.

**Attached file:**

- Report on Corporate Governance for 2025.

**PERSON IN CHARGE OF  
INFORMATION DISCLOSURE**



**TRƯỞNG PHÒNG TCHC  
Phạm Trần Nguyễn**

No: 26-147/BC-MB

*Ha Noi, 28 January 2026*

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE  
(for the year of 2025)**

**To:**           - **The State Securities Commission**  
              - **The Ha Noi Stock Exchange**

- Name of company: Northern PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company
- Headquarter: 4th Floor, Vietnam Oil and Gas Institute Building, 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City.
- Telephone: 024.35378257                      Fax: 024.35378255                      Email: pmb@pvfcco.com.vn
- Charter capital: VND 120.000.000.000 (One hundred twenty billion VND).
- Stock symbol: PMB
- Corporate Governance Model: General Shareholders' Meeting, Board of Directors, Supervisory Board, Executive Board
- Internal Audit Function: Not yet implemented.

**I. Activities of the General Meeting of Shareholders:**

On 26<sup>th</sup> March 2025, the Company successfully held the General Meeting of Shareholders of 2025 in Hanoi.

The meeting discussed and approved the following items:

| No | Resolution/Decision No. | Date       | Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|-------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | 39/NQ-ĐHĐCĐ             | 26/03/2025 | <ul style="list-style-type: none"><li>- Approval of the 2024 business results report and the main targets of the 2025 business plan.</li><li>- Approval of the 2024 report on the activities of the Board of Directors and the 2025 activity plan.</li><li>- Approval of the 2024 financial statements audited by Deloitte Vietnam Co., Ltd., and the 2024 profit distribution plan.</li><li>- Approval of the 2025 profit distribution plan.</li><li>- Approval of the 2024 report on salaries,</li></ul> |

| No | Resolution/Decision No. | Date | Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|----|-------------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                         |      | <p>remunerations, and other benefits of the Board of Directors and Supervisory Board, as well as the 2025 budget estimate.</p> <p>- Approval of the 2024 report on the activities of the Supervisory Board, the 2025 activity plan, and authorization for the Board of Directors to select one of the following three firms to audit the 2025 financial statements: (1) Deloitte Vietnam Co., Ltd., (2) Ernst &amp; Young Vietnam Co., Ltd., (3) KPMG Vietnam Co., Ltd.</p> <p>- Approval of the policy to sign contracts and transactions with PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation – JSC.</p> <p>- Approval of the dismissal of Mr. Luong Anh Tuan from his position as a Member of the Board of Directors, effective from March 26, 2025.</p> <p>- Approval of the additional election of one Member of the Board of Directors for the 2021–2026 term.</p> <p>- Approval of the election regulations for the additional Member of the Board of Directors for the 2021–2026 term.</p> <p>- Approval of the result of the additional election of one Member of the Board of Directors: Mr. Cao Trung Kien was elected as a Member of the Board of Directors for the 2021–2026 term.</p> |

## II. Board of Director:

### 1. Information about the members of the Board of Directors

| No | Board of Directors' members | Position           | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                   |
|----|-----------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
|    |                             |                    | Date of appointment                                                  | Date of dismissal |
| 1  | Mr Cao Trung Kiên           | Chairman           | 26/03/2025                                                           |                   |
| 2  | Mr Lương Anh Tuấn           | Former Chairman    | 10/01/2020                                                           | 26/03/2025        |
| 3  | Mr Bùi Tuấn Anh             | Executive Director | 15/09/2022                                                           |                   |

| No | Board of Directors' members | Position           | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors |                   |
|----|-----------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------|
|    |                             |                    | Date of appointment                                                  | Date of dismissal |
| 4  | Mr Tạ Quốc Phương           | Independent member | 22/06/2021                                                           |                   |

## 2. Meetings of the Board of Directors

| No | Board of Directors' members | Number of meetings attended by Board of Directors | Attendance rate | Reasons for absence                                       |
|----|-----------------------------|---------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------------------------------------|
| 1  | Mr. Cao Trung Kiên          | 2/2                                               | 100%            | Elected to the Board of Directors from March 26, 2025     |
| 2  | Mr. Lương Anh Tuấn          | 1/1                                               | 100%            | Dismissed from the Board of Directors from March 26, 2025 |
| 3  | Mr. Bùi Tuấn Anh            | 3/3                                               | 100%            |                                                           |
| 4  | Mr. Tạ Quốc Phương          | 3/3                                               | 100%            |                                                           |

## 3. Supervising the Board of Management by the Board of Directors

- The Board of Directors directly guided and provided feedback to the Management Board during the implementation of the Company's activities; at the same time, it monitored and supervised the operations through reports and documents submitted by the General Director to the Board of Directors.
- The Board of Directors fulfilled its role in directing, supervising, and supporting the Management Board in the implementation of Resolutions and Decisions of the General Meeting of Shareholders and of the Board itself; it also periodically reviewed the implementation of the Company's plans and development strategies to promptly issue appropriate guidance.
- The Board of Directors reviewed and supervised monthly and quarterly business operation reports, as well as the semi-annual business performance report in 2025 from the Management Board
- Supervision results: The Management Board organized and managed the implementation of the business plan in 2025, achieving the following results:

| Items        | Unit | Planned for 2025 | Actual performance for 2025 | % Achievement |
|--------------|------|------------------|-----------------------------|---------------|
| Total Output | Tons | 220.000,00       | 232.817,345                 | 106%          |

| Items                        | Unit        | Planned for 2025 | Actual performance for 2025 | % Achievement |
|------------------------------|-------------|------------------|-----------------------------|---------------|
| Total Revenue                | Billion VND | 2.175,434        | 2.659,913                   | 122%          |
| Pre-tax Profit               | Billion VND | 14,20            | 25,46                       | 179%          |
| Net Profit                   | Billion VND | 11,36            | 20,2                        | 178%          |
| Contribution to State Budget | Billion VND | 3,85             | 7,25                        | 188%          |

#### 4. Activities of the Board of Directors' subcommittees:

The Board of Directors has not established any sub-committees. Instead, members of the Board of Directors are assigned to be in charge of specific areas to examine and review the contents under their authority before submitting them to the Board for decision; at the same time, they supervise, direct and urge the Board of Directors to implement the resolutions and decisions of the Board of Directors within the assigned areas.

#### 5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors:

In 2025, the Board of Directors held 04 Board meetings and conducted 13 rounds of written consultation with the Board members to approve several Resolutions/Decisions as follows:

| Seq. | Resolution/Decision No. | Date       | Content                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Approval rate |
|------|-------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1.   | 01-1/NQ-MB              | 02/01/2025 | Issuance of Regulations on domestic business travel, transportation means, and other administrative expenses.                                                                                                                                                                                        | 03/03         |
| 2.   | 02/NQ-MB                | 14/01/2025 | Approval of the policy on signing contracts and transactions related to the sale and purchase of goods and services for the implementation of Technical Services, Social Security, Customer Care, and Sales Support activities with PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation – JSC in 2025. | 03/03         |

| Seq. | Resolution/Decision No. | Date       | Content                                                                                                                               | Approval rate |
|------|-------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 3.   | 07/NQ-MB                | 20/01/2025 | Issuance of accounts receivable limits and working capital limits for inventory applicable in 2025.                                   | 03/03         |
| 4.   | 17/NQ-MB                | 23/01/2025 | Approval of the 2024 salary fund.                                                                                                     | 03/03         |
| 5.   | 18/NQ-MB                | 23/01/2025 | Approval of the 2025 performance-based salary plan for the Representative of the Corporation at the Company                           | 03/03         |
| 6.   | 19/NQ-MB                | 23/01/2025 | Approval of the principles for cost allocation for fertilizer products in 2025.                                                       | 03/03         |
| 7.   | 20/NQ-MB                | 24/01/2025 | Approval and assignment of the 2025 business plan for PetroVietnam Northern Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company.             | 03/03         |
| 8.   | 23/NQ-MB                | 06/02/2025 | Approval of the 2025 cash flow plan.                                                                                                  | 03/03         |
| 9.   | 24/NQ-MB                | 06/02/2025 | Approval of the plan for organizing the 2025 Annual General Meeting of Shareholders.                                                  | 03/03         |
| 10.  | 69/NQ-MB                | 26/03/2025 | Election of the Chairman of the Board of Directors of Northern PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company              | 03/03         |
| 11.  | 83/NQ-MB                | 18/04/2025 | Organization and task allocation within the Board of Directors of Northern PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company. | 03/03         |
| 12.  | 87/NQ-MB                | 25/04/2025 | Establishment of the Steering Committee for Organizational Streamlining.                                                              | 03/03         |
| 13.  | 88/NQ-MB                | 25/04/2025 | Implementation of the 2025 corporate governance targets and plans.                                                                    | 03/03         |
| 14.  | 89/NQ-MB                | 25/04/2025 | Signing of the labor contract with the Chairman of the Board of Directors                                                             | 03/03         |
| 15.  | 108/NQ-MB               | 24/06/2025 | Selection of the audit firm for the 2025 financial statements.                                                                        | 03/03         |

| Seq. | Resolution/Decision No. | Date       | Content                                                                                                     | Approval rate |
|------|-------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 16.  | 114/NQ-MB               | 07/07/2025 | Approval of the list of banks and the investment limits for term deposits in 2025.                          | 03/03         |
| 17.  | 117-1/NQ-MB             | 07/07/2025 | Approval of the Cash Flow Plan for Quarter III/2025                                                         | 03/03         |
| 18.  | 118/NQ-MB               | 07/07/2025 | Execution of the 2024 cash dividend payment to shareholders.                                                | 03/03         |
| 19.  | 136/NQ-MB               | 20/8/2025  | Approval of the receivables limit for self-traded fertilizer products for 2025                              | 03/03         |
| 20.  | 146/NQ-MB               | 18/09/2025 | Decision on salary increases                                                                                | 03/03         |
| 21.  | 147/NQ-MB               | 18/09/2025 | Issuance of the Regulation on business travel allowances, transportation, and other administrative expenses | 03/03         |
| 22.  | 165/NQ-MB               | 17/10/2025 | Establishment of the Digital Transformation Steering Committee                                              | 03/03         |
| 23.  | 169/NQ-MB               | 11/11/2025 | Approval of the Cash Flow Plan for Quarter IV/2025                                                          | 03/03         |
| 24.  | 199/NQ-MB               | 31/12/2025 | Approval for the issuance of the Distributor Regulation                                                     | 03/03         |
| 25.  | 200/NQ-MB               | 31/12/2025 | Approval for the issuance of the Regulation on Management of Self-Traded Goods                              | 03/03         |
| 26.  | 207/NQ-MB               | 31/12/2025 | Approval of the updated Salary Plan for 2025                                                                | 03/03         |

### III. Activities of the Board of Supervisor

#### 1. Members of Board of Supervisor:

| No. | Members of Board of Supervisor | Position    | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisor | Qualification          |
|-----|--------------------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 1   | Ms Đào Thị Kim Anh             | Head of BOS | 13/01/2011                                                            | Bachelor of accounting |
| 2   | Ms Nguyễn Trà My               | Member      | 18/10/2017                                                            | Bachelor of accounting |

| No. | Members of Board of Supervisor | Position | The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisor | Qualification          |
|-----|--------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 3   | Ms Đỗ Thị Minh Tâm             | Member   | 05/04/2016                                                            | Bachelor of accounting |

**2. Meetings of Board of Supervisor:**

| Seq | Members of Board of Supervisor | Number of meetings attended | Attendance rate | Voting rate | Reason for absence |
|-----|--------------------------------|-----------------------------|-----------------|-------------|--------------------|
| 1   | Ms Đào Thị Kim Anh             | 2/2                         | 100%            | 100%        |                    |
| 2   | Ms Nguyễn Trà My               | 2/2                         | 100%            | 100%        |                    |
| 3   | Ms Đỗ Thị Minh Tâm             | 2/2                         | 100%            | 100%        |                    |

**3. Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisor.**

- The Board of Supervisor participates in meetings of the Board of Directors, departmental meetings, mid-term and annual review meetings, and special seminars of the Company.
- Monitoring compliance with the Company's regulations, the parent company's regulations, group policies, and relevant laws.
- The Board of Supervisor examines the financial statements for the first half year of 2025 and the year of 2025; it also reviews the management and operation reports from the Board of Directors and the Executive Board.
- Checking and monitoring the implementation of the 2025 business plan approved by the Board of Directors in Resolution No. 20/NQ-MB dated January 24 2025, and by the General Shareholders' Meeting in Resolution No. 39/NQ-ĐHĐCĐ dated March 26, 2025.
- Supervision of the appropriation and use of funds.
- Inspection and supervision of practices related to thrift and anti-waste measures.
- Execution of other duties of the Supervisory Board in accordance with regulations.

**4. The coordination among the Board of Supervisor, the Board of Management, Board of Directors and other managers:**

The Board of Supervisor has closely collaborated with the Board of Directors and the Executive Board in organizing inspection and monitoring activities.

Throughout the execution of its duties, the The Board of Supervisor has consistently received support from the Board of Directors, the Executive Board, and the Company's departments and subsidiaries, ensuring access to necessary data, documents, evidence of economic transactions, and other relevant information to effectively fulfill its responsibilities.

#### **5. Other activities of the Board of Supervisor**

The Board of Supervisor develops an annual activity plan and assigns each member to collaborate with the Internal Audit Department and the functional departments of the parent company to conduct checks on various aspects of the Company's business operations.

#### **IV. Board of Management**

| <b>Stt</b> | <b>Members of Board of Management</b> | <b>Date of birth</b> | <b>Qualification</b>                       | <b>Date of appointment</b> |
|------------|---------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------|----------------------------|
| 1          | Mr. Bùi Tuấn Anh                      | 11/07/1979           | Master's degree in Economics               | 15/09/2022                 |
| 2          | Mr. Nguyễn Quang Đoàn                 | 26/08/1971           | Master's degree in Economic Administration | 01/03/2011                 |

#### **V. Chief Accountant**

| <b>Name</b>         | <b>Date of birth</b> | <b>Qualification</b>   | <b>Date of appointment/ dismissal</b> |
|---------------------|----------------------|------------------------|---------------------------------------|
| Mr Nguyễn Tiến Hưng | 27/01/1984           | Bachelor of accounting | 01/01/2025                            |

#### **VI. Training courses on corporate governance**

The list of members of the Board of Directors, Supervisory Board, Executive Board, and other management staff who have participated in corporate governance training as required by corporate governance regulations includes:

1. Mr. Cao Trung Kiên - Chairman of the Board of Directors
2. Mr. Lương Anh Tuấn – Former Chairman of the Board of Directors
3. Mr. Bùi Tuấn Anh - Member of the Board of Directors and CEO
4. Mr. Tạ Quốc Phương - Independent Member of the Board of Directors
5. Mr. Nguyễn Quang Đoàn - Deputy General Director
6. Mr Nguyễn Tiến Hưng - Chief Accountant
7. Mrs. Đào Thị Kim Anh - Head of the Board of Supervisor
8. Mrs. Nguyễn Trà My - Member of the Board of Supervisor
9. Mrs. Đỗ Thị Minh Tâm - Member of the Board of Supervisor

10. Mr. Phạm Trần Nguyễn - Person in charge of Information Disclosure

11. Bà Đặng Ngọc Hà - Person in charge of Corporate Governance, Company Secretary

**VII. List of related persons of the public company and transactions between the Company's related persons and the Company itself:**

1. **List of related persons of the Company:** See attached Appendix 01
2. **Transactions between the Company and its related persons; or between the Company and major shareholders, internal persons, or related persons of internal person**

In 2025, the Company had transactions with PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation (the Parent Corporation and also a major shareholder of the Company) in two areas:

- Contracts for the purchase and sale of Phu My brand fertilizers;
- Contracts for technical services and logistics services: Transportation, handling, warehousing, trade promotion...

(Specific details are provided in the attached Appendix 02)

3. **Transactions between internal persons of the listed company, related persons of internal persons and subsidiaries, or companies controlled by the listed company:**

No transactions arose.

4. **Transactions between the Company and other parties:**

No transactions arose.

**VIII. Share transactions of internal persons and related persons of internal persons**

1. **List of internal persons and related persons of internal persons:** See attached Appendix 03
2. **Transactions of internal persons and related persons regarding the Company's shares:** No transactions arose.

**IX. Other significant issues:** None.

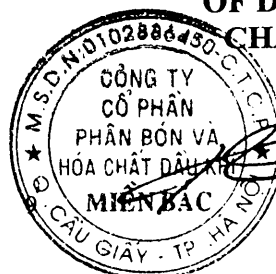
Northern PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Joint Stock Company respectfully reports.

Sincerely./.

**Recipient:**

- As mentioned above;
- BOD; BOM; BOS;
- Archived: Archives, ĐNH.

**ON BEHALF OF THE BOARD  
OF DIRECTOR  
CHAIRMAN**



**Cao Trung Kiên**

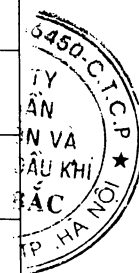
# APPENDIX 1: LIST OF RELATED PARTIES OF THE COMPANY

(Attached to Report No. 26-147/BC-MB dated 28/01/2026)

| No. | Name of organization/individual                         | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | ID/Date of issue/ Place                                                                                                      | Contact address                                        | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person | Reasons | Relationship with the Company                                     |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------|
| 1   | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation       |                                     |                                  | 0303165480, issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City, 16th amendment dated February 16, 2024. | 43 Mac Dinh Chi Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City | 01/01/2011                               |                                        |         | The major shareholder holds 75% of the company's charter capital. |
| 2   | Nghe An Agricultural Material Stock Corporation Company |                                     |                                  | 2900326255, issued by the Department of Planning and Investment of Nghe An Province, 16th amendment dated April 4, 2025.     | No. 96 Nguyen Truong To, Thanh Vinh Ward, Nghe An      |                                          |                                        |         | The major shareholder holds 10% of the company's charter capital. |
| 3   | Cao Trung Kiên                                          |                                     | Chairman of BOD                  |                                                                                                                              |                                                        | 26/03/2025                               |                                        |         |                                                                   |
| 4   | Lương Anh Tuấn                                          |                                     | Former Chairman of BOD           |                                                                                                                              |                                                        | 01/10/2020                               | 26/03/2025                             |         |                                                                   |



| No. | Name of organization/individual | Securities trading account (if any) | Position at the Company (if any) | ID/Date of issue/ Place | Contact address | Time of starting to be affiliated person | Time of ending to be affiliated person | Reasons | Relationship with the Company |
|-----|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------------------------|----------------------------------------|---------|-------------------------------|
| 5   | Bùi Tuấn Anh                    |                                     | Member of BOD, Director          |                         |                 | 15/09/2022                               |                                        |         |                               |
| 6   | Tạ Quốc Phương                  |                                     | Independent Member of BOD        |                         |                 | 22/06/2021                               |                                        |         |                               |
| 7   | Nguyễn Quang Đoàn               |                                     | Deputy Director                  |                         |                 | 01/03/2011                               |                                        |         |                               |
| 8   | Nguyễn Tiến Hưng                |                                     | Chief Accountant                 |                         |                 | 01/01/2025                               |                                        |         |                               |
| 9   | Đào Thị Kim Anh                 |                                     | Chairman of BOS                  |                         |                 | 13/01/2011                               |                                        |         |                               |
| 10  | Nguyễn Trà My                   |                                     | Member of BOS                    |                         |                 | 18/10/2017                               |                                        |         |                               |
| 11  | Đỗ Thị Minh Tâm                 |                                     | Member of BOS                    |                         |                 | 05/04/2016                               |                                        |         |                               |



**APPENDIX 2: LIST OF TRANSACTION AND CONTRACTS BETWEEN THE COMPANY  
AND RELATED PARTIES IN 2025**

*(Attached to report No 26-147/BC-MB dated 28/01/2026)*

| No | Name                                              | Company           | The main content of transactions and contracts. | Contract Number                              |
|----|---------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|
| 1  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Cargo handling and delivery services            | 43/2025/PVFCCo/PB-PVFCCo North/D_BX-GN-VC-LK |
| 2  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Promotional contract                            | 197-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_KM           |
| 3  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Promotional contract                            | 219-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_KM           |
| 4  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Promotional contract                            | 694-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D-KM           |
| 5  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Advertising contract                            | 204-25/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_QC           |
| 6  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Advertising contract                            | 789A/PVFCCo/TTTT-PVFCCo-PMB/D_QC             |
| 7  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 179-25/PVFCCo/KD-MB/B_Kali                   |
| 8  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 128-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI                   |
| 9  | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 140-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI                   |
| 10 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 241-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |
| 11 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 312-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |
| 12 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 368-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali                 |

| No | Name                                              | Company           | The main content of transactions and contracts. | Contract Number              |
|----|---------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|------------------------------|
| 13 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 409-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali |
| 14 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 52-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI    |
| 15 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 114-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 16 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 137-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 17 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 164-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 18 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 184-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 19 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 25-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 20 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 266-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 21 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 273-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 22 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 313-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 23 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 337-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 24 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 34-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 25 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 353-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |
| 26 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 364-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM    |

| No | Name                                              | Company           | The main content of transactions and contracts. | Contract Number                    |
|----|---------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|
| 27 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 386-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM          |
| 28 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 394-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM          |
| 29 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 438-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM          |
| 30 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 441-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM          |
| 31 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 450-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM          |
| 32 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 53-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM           |
| 33 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 54-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM           |
| 34 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 97-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM           |
| 35 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 131-25/PVFCCo/KD-MB/B-<br>ĐẠM KeBo |
| 36 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 33-25/PVFCCo/KD-MB/B- ĐẠM<br>KeBo  |
| 37 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 410-25/PVFCCo/KD-MB/B-<br>ĐẠM KeBo |
| 38 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 115-25/PVFCCo/KD-MB/B-NPK          |
| 39 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 124-25/PVFCCo/KD-MB/B-NPK          |
| 40 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 26-25/PVFCCo/KD-MB/B-NPK           |

| No | Name                                              | Company           | The main content of transactions and contracts. | Contract Number                |
|----|---------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|
| 41 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 308-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 42 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 338-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 43 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 358-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 44 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 398-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 45 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 489-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 46 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 490-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 47 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 491-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-NPK    |
| 48 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 540-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM      |
| 49 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 550-25/PVFCCo/KD-MB/B-ĐẠM KeBo |
| 50 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 557-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM      |
| 51 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 559-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Kali   |
| 52 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 585-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM      |
| 53 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 586-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM      |
| 54 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 630-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM      |

| No | Name                                              | Company           | The main content of transactions and contracts. | Contract Number               |
|----|---------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| 55 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 683-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 56 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 702-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 57 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 734-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 58 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 746-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-Huuco |
| 59 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 750-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM   |
| 60 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 756-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM   |
| 61 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 800-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM   |
| 62 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 813-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM   |
| 63 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 821-25/PVFCCo/BKD-PMB/B-DPM   |
| 64 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 859-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 65 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 866-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 66 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 878-25/PVFCCo/KD-MB/B-DPM     |
| 67 | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation | Major shareholder | Fertilizer purchase and sale contract           | 879-25/PVFCCo/KD-MB/B_KALI    |

### APPENDIX 3: THE LIST OF INTERNAL PERSON AND THEIR AFFILIATED PERSON

(Attached to report No 26-147/BC-MB dated 28/01/2026)

| No   | Name               | Securities trading account | Position                           | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note           |
|------|--------------------|----------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------|
| 1.   | Cao Trung Kiên     |                            | Chairman of the Board of Directors |                                                 |                  | 20.000                                          | 0,17%                                               |                |
| 1.1  | Trần Thu Phương    |                            |                                    |                                                 |                  | 0                                               | 0                                                   | Wife           |
| 1.2  | Trần Phúc Huy      |                            |                                    |                                                 |                  | 0                                               | 0                                                   | Son            |
| 1.3  | Cao Quang Nam      |                            |                                    |                                                 |                  | 0                                               | 0                                                   | Son            |
| 1.4  | Cao Phương Linh    |                            |                                    |                                                 |                  | 0                                               | 0                                                   | Daughter       |
| 1.5  | Cao Văn Cường      |                            |                                    |                                                 |                  | 0                                               | 0                                                   | Father         |
| 1.6  | Bùi Thị Yên        |                            |                                    |                                                 |                  | 0                                               | 0                                                   | Mother         |
| 1.7  | Cao Trùy Trang     |                            |                                    |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Sister         |
| 1.8  | Nguyễn Kim Sinh    |                            |                                    |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,0083                                              | Brother in law |
| 1.9  | Trần Đồng          |                            |                                    |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law  |
| 1.10 | Nguyễn Thị Bích    |                            |                                    |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother in law  |
| 1.11 | Trần Thị Bích Ngọc |                            |                                    |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Sister in law  |
| 1.12 | Trần Thị Quỳnh Hoa |                            |                                    |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Sister in law  |

| No        | Name                  | Securities trading account | Position                         | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note            |
|-----------|-----------------------|----------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|
| <b>2.</b> | <b>Bùi Tuấn Anh</b>   |                            | <b>Member of BOD, Director</b>   |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                 |
| 2.1.      | Nguyễn Thị Thu Huyền  |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Wife            |
| 2.2.      | Bùi Diệp Anh          |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Daughter        |
| 2.3.      | Bùi Quang Đạt         |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son             |
| 2.4.      | Bùi Minh Tuấn         |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father          |
| 2.5.      | Nguyễn Thị Hiền       |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother          |
| 2.6.      | Bùi Anh Tú            |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger Brother |
| 2.7.      | Nguyễn Thị Vân Anh    |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Sister in law   |
| 2.8.      | Nguyễn Gia Lộc        |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law   |
| 2.9.      | Trần Thị Lan          |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother in law   |
| 2.10.     | Nguyễn Thu Hiền       |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Sister in law   |
| 2.11.     | Nguyễn Đức Hưng       |                            |                                  |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law  |
| <b>3.</b> | <b>Tạ Quốc Phương</b> |                            | <b>Independent Member of BOD</b> |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                 |

| No    | Name                     | Securities trading account | Position               | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note            |
|-------|--------------------------|----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------|
| 3.1.  | Tạ Quốc Cường            |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father          |
| 3.2.  | Trương Thị Mùi           |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother          |
| 3.3.  | Nguyễn Thu Hằng          |                            |                        |                                                 |                  | 2500                                            | 0,02%                                               | Wife            |
| 3.4.  | Tạ Linh Đan              |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Daughter        |
| 3.5.  | Tạ Cao Minh              |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son             |
| 3.6.  | Tạ Thị Quyên             |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger sister  |
| 3.7.  | Tạ Thị Dung              |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger sister  |
| 3.8.  | Tạ Tấn Tài               |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger Brother |
| 3.9.  | Nguyễn Văn Tước          |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law   |
| 3.10. | Vũ Thị Thảo              |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother in law   |
| 3.11. | Nguyễn Đức Hùng          |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law  |
| 4.    | <b>Nguyễn Quang Đoàn</b> |                            | <b>Deputy Director</b> |                                                 |                  | <b>3.800</b>                                    | <b>0.032%</b>                                       |                 |
| 4.1   | Nguyễn Thị Thân          |                            |                        |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother          |
| 4.2   | Nguyễn Thị Thơm          |                            |                        |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,008%                                              | Wife            |

| No   | Name                    | Securities trading account | Position                | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note                  |
|------|-------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|
| 4.3  | Nguyễn Quang Đức        |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                   |
| 4.4  | Nguyễn Phương Thảo      |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Daughter              |
| 4.5  | Nguyễn Thị Thanh Vân    |                            |                         |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,008%                                              | Older Sister          |
| 4.6  | Nguyễn Thị Thanh An     |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older Sister          |
| 5.   | <b>Nguyễn Tiến Hưng</b> |                            | <b>Chief Accountant</b> |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                       |
| 5.1. | Nguyễn Thị Ngọc Hải     |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Wife                  |
| 5.2. | Nguyễn Sơn Tùng         |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                   |
| 5.3. | Nguyễn Nhật Minh        |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                   |
| 5.4. | Nguyễn Văn Thục         |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father                |
| 5.5. | Nguyễn Tiến Quyết       |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger Brother       |
| 5.6. | Nguyễn Thị Thảo         |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger sister in law |
| 5.7. | Nguyễn Ngọc Hùng        |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law         |
| 5.8. | Nguyễn Thị Minh Hằng    |                            |                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother in law         |

| No   | Name                   | Securities trading account | Position                 | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note                  |
|------|------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------|
| 5.9. | Nguyễn Thị Ngọc Hà     |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older Sister in law   |
| 6.   | <b>Đào Thị Kim Anh</b> |                            | <b>Chairwoman of BOS</b> |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                       |
| 6.1. | Võ Anh Tuấn            |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Husband               |
| 6.2. | Võ Tuấn Kiệt           |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                   |
| 6.3. | Võ Anh Khoa            |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                   |
| 6.4. | Đào Sỹ Nguyên          |                            |                          |                                                 |                  | 11.000                                          | 0,092%                                              | Brother (passed away) |
| 6.5. | Đào Chu Dương          |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older brother         |
| 6.6. | Đào Chu Thiên          |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older brother         |
| 6.7. | Đào Đình Nam           |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older brother         |
| 6.8. | Đào Thị Thu Phương     |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger sister        |
| 7.   | <b>Nguyễn Trà My</b>   |                            | <b>Member of BOS</b>     |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                       |
| 7.1. | Nguyễn Trịnh Kiểm      |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father                |
| 7.2. | Trần Kim Phượng        |                            |                          |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother                |

| No    | Name                   | Securities trading account | Position             | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note                |
|-------|------------------------|----------------------------|----------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------|
| 7.3.  | Nguyễn Tuấn Anh        |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Younger brother     |
| 8.    | <b>Đỗ Thị Minh Tâm</b> |                            | <b>Member of BOS</b> |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                     |
| 8.1.  | Đỗ Văn Tuấn            |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father              |
| 8.2.  | Nguyễn Thị Thảo        |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother              |
| 8.3.  | Trần Hoài Nam          |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Husband             |
| 8.4.  | Trần Minh Hữu          |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                 |
| 8.5.  | Trần Minh Quân         |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son                 |
| 8.6.  | Đỗ Ngọc Thành          |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older brother       |
| 8.7.  | Phạm Thị Anh           |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older sister in law |
| 8.8.  | Đỗ Văn Toàn            |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older brother       |
| 8.9.  | Trần Quang Lưu         |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law       |
| 8.10. | Trần Thị Dự            |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother in law       |
| 8.11. | Trần Quang Khánh       |                            |                      |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law      |
| 9.    | <b>Phạm Trần</b>       |                            | <b>Person in</b>     |                                                 |                  | <b>6.050</b>                                    | <b>0,05%</b>                                        |                     |

| No         | Name                | Securities trading account | Position                                | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note           |
|------------|---------------------|----------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------|
|            | <b>Nguyễn</b>       |                            | <b>charge of information disclosure</b> |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                |
| 9.1.       | Trần Thị Ái Hoan    |                            |                                         |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,008%                                              | Mother         |
| 9.2.       | Phạm Minh Thư       |                            |                                         |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,008%                                              | Wife           |
| 9.3.       | Phạm Bá Nghĩa       |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son            |
| 9.4.       | Phạm Minh Đăng      |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son            |
| 9.5.       | Phạm Thị Thu Huyền  |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older sister   |
| 9.6.       | Phí Hồng Quân       |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law |
| 9.7.       | Phạm Thái Hà        |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older sister   |
| 9.8.       | Matthias Chrítian   |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law |
| 9.9.       | Phạm Thái Bình      |                            |                                         |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law  |
| 9.10.      | Phạm Hạnh Thúy      |                            |                                         |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,008%                                              | Sister in law  |
| 9.11.      | Phạm Phương Thu     |                            |                                         |                                                 |                  | 1.000                                           | 0,008%                                              | Sister in law  |
| <b>10.</b> | <b>Đặng Ngọc Hà</b> |                            | <b>Company Secretary /</b>              |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                |

| No    | Name               | Securities trading account | Position                                        | ID/Passport number, issue date, place of issue. | Contact address. | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note           |
|-------|--------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------|
|       |                    |                            | <b>Person in charge of corporate governance</b> |                                                 |                  |                                                 |                                                     |                |
| 10.1  | Đặng Ngọc Tiến     |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father         |
| 10.2  | Nguyễn Thị Tuyết   |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother         |
| 10.3  | Đặng Tuyết Mai     |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Older sister   |
| 10.4  | Hoàng Văn Toàn     |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Husband        |
| 10.5  | Hoàng Nam Anh      |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son            |
| 10.6  | Hoàng Bảo Anh      |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Daughter       |
| 10.7  | Hoàng Gia Anh      |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Son            |
| 10.8  | Hoàng Văn Đàm      |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Father in law  |
| 10.9  | Phạm Thị Minh      |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Mother in law  |
| 10.10 | Hoàng Văn Tân      |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law |
| 10.11 | Hoàng Văn Tường    |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Brother in law |
| 10.12 | Hoàng Thị Hồng Gấm |                            |                                                 |                                                 |                  |                                                 |                                                     | Sister in law  |

| No  | Name                                              | Securities trading account | Position | ID/Passport number, issue date, place of issue.                                              | Contact address.                                     | Number of shares owned at the end of the period | Percentage of shares owned at the end of the period | Note |
|-----|---------------------------------------------------|----------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------|
| 11. | PetroVietnam Fertilizer and Chemicals Corporation |                            |          | 303165480 issued on 16/07/2013 by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. | No. 43 Mac Dinh Chi, Sai Gon ward, Ho Chi Minh City. | 9.000.000                                       | 75%                                                 |      |